|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM |
|  | **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  |  |
|  | *Hà Nội, ngày tháng năm 2017* |
|  |  |

**BÁO CÁO**

**Kết quả triển khai Nghị định số 93/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm**

**hành chính trong lĩnh vực hàng hải**

Ngày 20/6/2012, Quốc hội đã thông qua Luật Xử lý vi phạm hành chính (Luật số 15/2012/QH13), có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2013. Việc ban hành Luật có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo đảm trật tự, kỷ cương, an toàn xã hội, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Để triển khai thi hành Luật kịp thời, đồng bộ, thống nhất và có hiệu quả, ngày 20/8/2013, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 93/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông hàng hải, đường thủy nội địa thay thế Nghị định số 48/2011/NĐ-CP ngày 21/6/2011 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải và Nghị định số 60/2011/NĐ-CP ngày 20/7/2011 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa.

Có thể khẳng định, sau thời gian triển khai thực hiện pháp luật xử lý vi phạm hành chính nói chung và Nghị định 93/2013/NĐ-CP nói riêng đã có những tác động nhất định đối với sự phát triển, hội nhập kinh tế quốc tế của ngành hàng hải và giao thông đường thủy nội địa.

**I. Việc ban hành và nội dung cơ bản của Nghị định 93/2013/NĐ-CP**

Nghị định 93/2013/NĐ-CP được kết cấu gồm 05 Chương, 75 Điều, được xây dựng trên cơ sở kế thừa nội dung của Nghị định 48/2011/NĐ-CP và Nghị định 60/2011/NĐ-CP, sửa đổi, bổ sung những nội dung chưa được điều chỉnh, quy định chưa rõ, còn thiếu thống nhất; bãi bỏ những quy định không còn phù hợp, cụ thể:

- Bổ sung, sửa đổi các quy định về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng để phù hợp với tên Dự thảo Nghị định;

- Bổ sung các quy định về: thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính, hình thức xử phạt vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả để phù hợp với các quy định mới của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

- Bổ sung thêm các hành vi vi phạm hành chính và biện pháp khắc phục hậu quả đối với từng hành vi cụ thể trong lĩnh vực giao thông hàng hải, đường thủy nội địa trên cơ sở các quy định mới của pháp luật;

- Điều chỉnh mức phạt tiền;

- Bổ sung một số chức danh mới được xác lập thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông hàng hải, đường thủy nội địa;

- Bổ sung thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải của lực lượng Công an nhân dân và lực lượng Cảnh sát biển.

***Trong lĩnh vực hàng hải, các hành vi vi phạm hành chính được quy định trong Nghị định 93/2013/NĐ-CP gồm 08 nhóm vi phạm sau:***

a) Vi phạm quy định về xây dựng và khai thác cảng biển;

b) Vi phạm quy định về hoạt động hàng hải của tàu thuyền tại cảng biển;

c) Vi phạm quy định về đăng ký, đăng kiểm tàu thuyền và bố trí thuyền viên, sử dụng chứng chỉ chuyên môn, sổ thuyền viên, hộ chiếu thuyền viên;

d) Vi phạm quy định về hoa tiêu hàng hải;

đ) Vi phạm quy định về hoạt động kinh doanh vận tải biển và dịch vụ hàng hải;

e) Vi phạm quy định về hoạt động tìm kiếm, cứu nạn hàng hải, trục vớt tài sản chìm đắm và báo hiệu hàng hải;

g) Vi phạm quy định về hoạt động đào tạo, huấn luyện thuyền viên;

h) Vi phạm quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu, quản lý tiếp nhận và và xử lý chất thải lỏng có dầu từ tàu biển tại cảng biển.

**II. Tổ chức thực hiện Nghị định 93/2013/NĐ-CP trong lĩnh vực hàng hải**

Việc tổ chức thực hiện Nghị định 93/2013/NĐ-CP trong lĩnh vực hàng hải được triển khai trên các nội dung sau:

***1. Xây dựng văn bản thực hiện Nghị định 93/2013/NĐ-CP***

Triển khai thực hiện Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012, Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính, Nghị định 93/2013/NĐ-CP ngày 20/8/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông hàng hải, đường thủy nội địa; ngày 15/10/2013, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đã ký, ban hành Thông tư số 32/2013/TT-BGTVT ngày 15/10/2013 ban hành mẫu biên bản, mẫu quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông hàng hải, đường thủy nội địa. Trong lĩnh vực giao thông hàng hải, có 09 mẫu biên bản, mẫu quyết định từ HH 01 đến HH 09. Ngoài các mẫu biên bản, mẫu quyết định kèm theo Thông tư này, các cơ quan có thẩm quyền sử dụng mẫu biên bản, mẫu quyết định khác ban hành kèm theo Nghị định 81/2013/NĐ-CP.

Việc ban hành quy định về mẫu biên bản, mẫu quyết định xử phạt trong lĩnh vực giao thông hàng hải đã giúp cho công tác phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm hành chính được kịp thời, công khai, minh bạch, tăng cường hiệu quả thực thi quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính nói chung và Nghị định 93/2013/NĐ-CP nói riêng.

***2. Phổ biến, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện Nghị định 93/2013/NĐ-CP***

Trong thời gian qua, việc tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện Nghị định 93/2013/NĐ-CP trong lĩnh vực hàng hải và các quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính đã được Bộ Giao thông vận tải và các đơn vị trực thuộc chủ động triển khai nghiêm túc bằng những hình thức phù hợp và thiết thực (hội nghị, tập huấn, cung cấp qua website hoặc in ấn, phát tờ rơi…).

Bên cạnh đó, các hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định của Nghị định 93/2013/NĐ-CP cũng được cơ quan có thẩm quyền chú trọng tăng cường.

Thực tế cho thấy, tuy còn một số hạn chế, bất cập, nhưng các hoạt động nêu trên đã góp phần tăng cường trật tự, an toàn giao thông hàng hải, ý thức chấp hành pháp luật của người dân được nâng cao hơn, các hành vi vi phạm hành chính đã giảm về số vụ so với thời gian trước đây.

***3. Phối hợp trong điều tra, xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải***

Để nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông hàng hải nói chung và công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong lĩnh vực hàng hải nói riêng, Bộ Giao thông vận tải (Cục Hàng hải Việt Nam) đã chủ động phối hợp với Bộ Quốc phòng (Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng, Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển) xây dựng quy chế phối hợp nhằm đảm bảo an toàn, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường trong vùng nước cảng biển và vùng biển Việt Nam. Căn cứ Quy chế phối hợp, các Bên có trách nhiệm cung cấp, trao đổi thông tin; phối hợp trong phát hiện, ngăn chặn, điều tra, phát hiện, xử lý vi phạm hành chính; chuyển giao hồ sơ, tài liệu vụ việc khi có yêu cầu... Các cảng vụ hàng hải, căn cứ điều kiện thực tế tại khu vực và nội dung Quy chế, phối hợp với các đơn vị trực thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng, Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển xây dựng và ký ban hành Quy chế phối hợp chi tiết bảo đảm thực hiện có hiệu quả chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị.

Qua công tác sơ kết, tổng kết việc triển khai thực hiện Quy chế phối hợp đã ký trong thời gian qua cho thấy các Bên đã phối hợp chặt chẽ với nhau, triển khai đồng bộ và đạt được những kết quả tích cực trên các nội dung phối hợp nêu tại Quy chế, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mỗi Bên.

***4. Tình hình thực hiện xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải theo Nghị định 93/2013/NĐ-CP***

- Từ ngày 01/7/2013 đến 31/12/2013:

+ Số vụ việc vi phạm bị phát hiện: 198 vụ.

+ Số vụ vi phạm đã bị xử phạt: 198 vụ.

+ Số Quyết định XPVPHC được ban hành: 198 Quyết định.

+ Số Quyết định XPVPHC đã thi hành: 198 Quyết định.

+ Số Quyết định XPVPHC chưa thi hành: Không có.

+ Số Quyết định XPVPHC bị cưỡng chế thi hành: Không có.

+ Số Quyết định XPVPHC bị khiếu nại, khởi kiện: Không có.

+ Số tiền phạt thu được: 1.774.000.000 đồng.

+ Số tiền thu được từ bán, thanh lý tang vật, phương tiện bị tịch thu: Không có.

- Năm 2014:

+ Số vụ việc vi phạm bị phát hiện: 397 vụ.

+ Số vụ vi phạm đã bị xử phạt: 397 vụ.

+ Số Quyết định XPVPHC được ban hành: 397 Quyết định.

+ Số Quyết định XPVPHC đã thi hành: 397 Quyết định.

+ Số Quyết định XPVPHC chưa thi hành: Không có.

+ Số Quyết định XPVPHC bị cưỡng chế thi hành: Không có.

+ Số Quyết định XPVPHC bị khiếu nại, khởi kiện: Không có.

+ Số tiền phạt thu được: 3.985.600.000 đồng.

+ Số tiền thu được từ bán, thanh lý tang vật, phương tiện bị tịch thu: Không có.

- Năm 2015:

+ Số vụ việc vi phạm bị phát hiện: 207 vụ.

+ Số vụ vi phạm đã bị xử phạt: 207 vụ.

+ Số Quyết định XPVPHC được ban hành: 207 Quyết định.

+ Số Quyết định XPVPHC đã thi hành: 207 Quyết định.

+ Số Quyết định XPVPHC chưa thi hành: Không có.

+ Số Quyết định XPVPHC bị cưỡng chế thi hành: Không có.

+ Số Quyết định XPVPHC bị khiếu nại, khởi kiện: Không có.

+ Số tiền phạt thu được: 2.293.050.000 đồng.

+ Số tiền thu được từ bán, thanh lý tang vật, phương tiện bị tịch thu: Không có.

- Năm 2016:

+ Số vụ việc vi phạm bị phát hiện: 367 vụ.

+ Số vụ vi phạm đã bị xử phạt: 367 vụ.

+ Số Quyết định XPVPHC được ban hành: 367 Quyết định.

+ Số Quyết định XPVPHC đã thi hành: 367 Quyết định.

+ Số Quyết định XPVPHC chưa thi hành: Không có.

+ Số Quyết định XPVPHC bị cưỡng chế thi hành: Không có.

+ Số Quyết định XPVPHC bị khiếu nại, khởi kiện: Không có.

+ Số tiền phạt thu được: 3.639.561.000 đồng.

+ Số tiền thu được từ bán, thanh lý tang vật, phương tiện bị tịch thu: Không có.

- Từ ngày 01/01/2017 đến 31/3/2017:

+ Số vụ việc vi phạm bị phát hiện: 79 vụ.

+ Số vụ vi phạm đã bị xử phạt: 79 vụ.

+ Số Quyết định XPVPHC được ban hành: 79 Quyết định.

+ Số Quyết định XPVPHC đã thi hành: 79 Quyết định.

+ Số Quyết định XPVPHC chưa thi hành: Không có.

+ Số Quyết định XPVPHC bị cưỡng chế thi hành: Không có.

+ Số Quyết định XPVPHC bị khiếu nại, khởi kiện: Không có.

+ Số tiền phạt thu được: 1.036.850.000 đồng.

+ Số tiền thu được từ bán, thanh lý tang vật, phương tiện bị tịch thu: Không có.

Nội dung các vi phạm chủ yếu phát hiện qua thanh tra, kiểm tra: Vi phạm quy định về thủ tục vào, rời cảng biển của tàu thuyền; vi phạm quy định về an toàn, an ninh, trật tự vệ sinh trong các hoạt động của tàu thuyền; vi phạm quy định về neo đậu, cập cầu, cập mạn của tàu thuyền trong vùng nước cảng biển; vi phạm quy định về điều kiện, tiêu chuẩn và bằng cấp, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên; vi phạm quy định về vùng hoạt động của tàu thuyền, vi phạm quy định về kiểm soát tải trọng, vi phạm quy định về định biên an toàn tối thiểu ...

*b) Áp dụng tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trong quá trình xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông hàng hải*

Trong thời gian qua, qua báo cáo của các cảng vụ hàng hải, việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng được các đơn vị thực hiện theo quy định tại Điều 9 - Tình tiết giảm nhẹ và Điều 10 - Tình tiết tăng nặng của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ chủ yếu được vận dụng trong các trường hợp quy định tại Khoản 1, 2. Điều 9, cụ thể, áp dụng đối với: (*1) Người vi phạm hành chính đã có hành vi ngăn chặn, làm giảm bớt hậu quả của vi phạm hoặc tự nguyện khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại; (2) Người vi phạm hành chính đã tự nguyện khai báo, thành thật hối lỗi, tích cực giúp đỡ cơ quan chức năng phát hiện vi phạm hành chính, xử lý vi phạm hành chính.* Việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ, một mặt đã đảm bảo được tính nghiêm minh của pháp luật, mặt khác cũng đã tuân thủ nguyên tắc nhân đạo, nhân văn của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, tạo cơ hội cho các đối tượng vi phạm tự nguyện khai báo, thành thật hối lỗi, tự nguyện khắc phục hậu quả... từ đó nâng cao được ý thức tuân thủ và chấp hành các quy định pháp luật.

Tình tiết tăng nặng ít được áp dụng, chỉ có một số trường hợp các đơn vị áp dụng đối với vi phạm hành chính nhiều lần, tái phạm theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 10 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Mức phạt tiền cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính được thực hiện theo quy định tại Khoản 4 điều 23 Luật Xử lý vi phạm hành chính: là mức trung bình của khung tiền phạt được quy định đối với hành vi đó; nếu có tình tiết giảm nhẹ thì mức tiền phạt có thể giảm xuống nhưng không được giảm quá mức tối thiểu của khung tiền phạt; nếu có tình tiết tăng nặng thì mức tiền phạt có thể tăng lên nhưng không được vượt quá mức tiền phạt tối đa của khung tiền phạt.

*c) Quy trình lập biên bản, xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải*

Triển khai Nghị định 93/2013/NĐ-CP; Thông tư số 02/2014/TT-BGTVT ngày 25/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định quy trình thanh tra chuyên ngành, xử phạt vi phạm hành chính; công tác lập kế hoạch, chế độ báo cáo và quản lý nội bộ của thanh tra ngành Giao thông vận tải; các cảng vụ hàng hải đã xây dựng và ban hành Quy trình về xử phạt vi phạm hành chính theo Tiêu chuẩn ISO 9001-2008.

Thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập biên bản, xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải được thực hiện theo quy định của Nghị định 93/2013/NĐ-CP và các quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

**III. Đánh giá hiệu quả áp dụng và những bất cập, hạn chế**

***1. Đánh giá hiệu quả Nghị định 93/2013/NĐ-CP trong lĩnh vực hàng hải***

Theo đánh giá chung, Nghị định 93/2013/NĐ-CP đã quy định cụ thể hành vi vi phạm, đối tượng áp dụng, hình thức xử phạt, mức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính cơ bản bảo đảm thực thi, phù hợp với tình hình thực tế; khắc phục được các quy định về hành vi chung, thiếu cụ thể, khó xác định như các Nghị định trước đây; được sự ủng hộ, đánh giá cao của các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động giao thông và xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải.

***2. Những bất cập, hạn chế***

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc áp dụng Nghị định 93/2013/NĐ-CP trong lĩnh vực hàng hải đã phát sinh một số bất cập, hạn chế sau:

***a) Về nội dung điều chỉnh của Nghị định 93/2013/NĐ-CP***

- Trong thời gian qua, với việc ban hành các văn bản QPPL dẫn đến nhiều hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả đối với từng hành vi vi phạm trong lĩnh vực hàng hải chưa được quy định tại Nghị định số 93/2013/NĐ-CP, có thể liệt kê một số hành vi như sau: Hành vi vi phạm quy định về điều kiện kinh doanh vận tải biển và dịch vụ hỗ trợ vận tải biển (Nghị định 30/2014/NĐ-CP ngày 14/4/2014); Hành vi vi phạm quy định bảo vệ công trình cảng biển và luồng hàng hải (Nghị định 109/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014); Hành vi vi phạm quy định điều kiện được phép nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng (Nghị định số 114/2014/NĐ-CP ngày 26/11/2014); Hành vi vi phạm quy định chế độ lao động của thuyền viên làm việc trên tàu biển (Nghị định số 121/2014/NĐ-CP ngày 24/12/2014); Hành vi vi phạm các quy định về an toàn container (Thông tư số 49/2014/TT-BGTVT ngày 15/10/2014); Hành vi vi phạm quy định về cân container (Thông tư số 16/2016/TT-BGTVT)…

- Trong thực tiễn quản lý, cơ quan có thẩm quyền khi phát hiện một số hành vi vi phạm nhưng không thể lập Biên bản và xử phạt vi phạm hành chính do các hành vi này chưa được quy định tại Nghị định 93/2013/NĐ-CP: Hành vi không thực tập kết nối thông tin an ninh hàng hải theo quy định; Hành vi không tiến hành thực tập, diễn tập theo Kế hoạch an ninh cảng biển đã được phê duyệt; Hành vi thi công công trình khi chưa có phương án bảo đảm an toàn hàng hải theo quy định; Hành vi vi phạm quy định về xếp, dỡ hàng hóa trên tàu; Hành vi vi phạm quy định về vận chuyển hàng hóa nguy hiểm; Hành vi vi phạm quy định về vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; Hành vi tự ý dẫn tàu không đúng tuyến luồng hàng hải được công bố; Hành vi vi phạm quy định về tải trọng của phương tiện trong vùng đất cảng biển; Hành vi vi phạm quy định về xếp hàng hóa lên phương tiện…

- Một số hành vi vi phạm trước đây đã dự kiến đưa vào, tuy nhiên, có ý kiến cho rằng các hành vi đó đã được quy định và điều chỉnh tại Bộ luật hình sự nên không đưa vào nữa; đó là: các hành vi làm giả và sử dụng giả bằng cấp chứng chỉ chuyên môn; hành vi phá hủy, tháo gỡ, trộm cắp kết cấu, phụ kiện, vật tư, vật liệu xây dựng và các thiết bị của công trình cảng biển và luồng hàng hải.

- Mức xử phạt tiền đối với một số hành vi vi phạm còn thấp nên chưa đảm bảo tính răn đe đối với các tổ chức, cá nhân là đối tượng bị xử lý vi phạm hành chính.

- Thẩm quyền xử phạt của giám đốc cảng vụ hàng hải còn thấp do lệ thuộc vào quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính (theo quy định hiện hành, Giám đốc cảng vụ có thẩm quyền xử phạt đến 25.000.000 đồng) nên nhiều trường hợp vượt thẩm quyền đã phải chuyển lên UBND tỉnh hoặc Cục để xử lý, phát sinh chi phí, thời gian đi lại của các tổ chức, cá nhân có liên quan.

- Một số hành vi vi phạm chưa quy định hình thức xử phạt bổ sung nên chưa đủ sức răn đe, giáo dục người vi phạm, như: hành vi sử dụng chứng chỉ hành nghề của người khác để làm việc trên tàu (Điểm b, Khoản 3, Điều 21); hành vi cố tình khai báo sai lệch thông tin hoặc sử dụng giấy tờ sửa chữa, giả mạo trong hồ sơ xin cấp chứng chỉ hành nghề, sổ thuyền viên, hộ chiếu thuyền viên (Điểm c, Khoản 3, Điều 21)….

***b) Về thực thi áp dụng Nghị định 93/2013/NĐ-CP***

Việc thực thi áp dụng Nghị định 93/2013/NĐ-CP, trong thực tế phát sinh một số bất cập sau:

-Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính còn thiếu quyết liệt; đối tượng cần thanh tra, kiểm tra còn bỏ sót; thiếu nghiêm minh trong xử lý các hành vi vi phạm, cụ thể tồn tại một số vấn đề sau:

(i) Ghi tình tiết giảm nhẹ trong Quyết định xử phạt vi phạm hành chính nhưng vẫn áp dụng mức phạt tiền ở mức trung bình của khung tiền phạt được quy định đối với hành vi đó hoặc không ghi tình tiết tăng nặng nhưng vẫn áp dụng mức phạt cao hơn mức trung bình của khung tiền phạt;

(ii) Tiến hành xử phạt vi phạm hành chính nhưng không áp dụng hình thức xử phạt bổ sung đối với hành vi vi phạm theo quy định tại Nghị định 93/2013/NĐ-CP phải áp dụng hình thức xử phạt bổ sung;

(iii) Lập biên bản và ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với tổ chức nhưng mức tiền phạt lại áp dụng đối với cá nhân;

(iv) Một số trường hợp phát hiện hành vi vi phạm hành chính đã tiến hành đình chỉ và lập Biên bản vi phạm hành chính, không ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc có lập Biên bản nhưng chỉ ra Quyết định tịch thu tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề;

(v) Biên bản kiểm tra tàu biển Việt Nam có xác định lỗi vi phạm theo quy định tại Nghị định số 93/2013/NĐ-CP nhưng không lập Biên bản vi phạm hành chính;

(vi) Biên bản kiểm tra hiện trường thi công phát hiện một số vi phạm theo quy định tại Nghị định 93/2013/NĐ-CP nhưng cảng vụ hàng hải không lập Biên bản vi phạm hành chính và không xử phạt vi phạm hành chính.

- Năng lực thực thi pháp luật của một số cán bộ, công chức, viên chức chưa đáp ứng yêu cầu và thực tế đang đòi hỏi cần được tăng cường.

- Ý thức chấp hành pháp luật của người dân đã được tăng cường, tuy nhiên cũng có một bộ phận ý thức chưa cao. Bên cạnh đó, vì mức xử phạt vi phạm hành chính là thấp, dẫn đến việc một số tổ chức, cá nhân sẵn sàng vi phạm vì mục tiêu lợi nhuận.

**IV. Dự kiến nội dung Dự thảo Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải (Dự thảo Nghị định)**

Dự thảo Nghị định được xây dựng dựa trên cơ sở kế thừa kết cấu và nội dung của Nghị định số 93/2013/NĐ-CP ngày 20/8/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông hàng hải, đường thủy nội địa với những nội dung chính như sau:

- Tách riêng và đưa ra khỏi dự thảo Nghị định các quy định về: hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả; thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính và thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa, vì Chính phủ đã ban hành Nghị định số 132/2015/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa.

- Bổ sung *03* Mục mới, gồm:

(1) Mục vi phạm quy định về xây dựng, quản lý khai thác cảng cạn;

(2) Mục vi phạm quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa tàu biển và hoạt động phá dỡ tàu biển;

(3) Mục vi phạm quy định về kiểm tra an toàn container.

- Ghép Mục 1 và Mục vi phạm quy định về bảo vệ công trình hàng hải thành một Mục: *Vi phạm quy định về xây dựng, quản lý và khai thác kết cấu hạ tầng hàng hải.*

- Bổ sung cácĐiềuquy địnhhành vi vi phạm hành chính và biện pháp khắc phục hậu quả đối với từng hành vi cụ thể trong lĩnh vực hàng hải, gồm:

(1) Vi phạm quy định về tải trọng của phương tiện trong vùng đất cảng;

(2) Vi phạm quy định về cân xác nhận khối lượng toàn bộ đối với mỗi container vận tải biển quốc tế;

(3) Vi phạm quy định về xếp hàng hóa lên phương tiện trong vùng đất cảng;

(4) Vi phạm quy định đối với người điều khiển ô tô và các loại tương tự ô tô chở hàng hóa trong vùng đất cảng;

(5) Vi phạm quy định về sử dụng giấy phép và điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển;

(6) Vi phạm quy định về niêm yết giá, phụ thu ngoài giá dịch vụ vận chuyển hàng hóa container bằng đường biển, giá dịch vụ tại cảng biển

(7) Vi phạm quy định về kê khai giá dịch vụ tại cảng biển

(8) Vi phạm quy định về giá dịch vụ tại cảng biển

(9) Vi phạm quy định về đầu tư xây dựng cảng cạn;

(10) Vi phạm quy định về công bố mở cảng cản;

(11) Vi phạm quy định về đặt tên, đổi tên cảng cạn;

(12) Vi phạm quy định cho thuê lại kết cấu hạ tầng cảng cạn;

(13) Vi phạm quy định về bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn và phòng ngừa ô nhiễm môi trường trong hoạt động khai thác cảng cạn;

(14) Vi phạm quy định về ký hiệu, mã hiệu, bốc dỡ, lưu kho hàng hóa;

(15) Vi phạm quy định về phòng chống cháy, nổ tại cảng cạn;

(16) Vi phạm quy định về xếp, chằng buộc hàng hóa trên tàu thuyền;

(17) Vi phạm quy định về vận chuyển hàng hóa nguy hiểm;

(18) Vi phạm quy định về vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng;

(19) Vi phạm quy định về niên hạn sử dụng của phương tiện thủy nội địa khi vào, rời và hoạt động tại cảng;

(20) Vi phạm quy định về sử dụng giấy phép và điều kiện cung cấp dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải;

(21) Vi phạm quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở đóng mới, hoán cải tàu biển;

(22) Vi phạm quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở sửa chữa tàu biển;

(23) Vi phạm quy định về hoạt động phá dỡ tàu biển;

(24) Vi phạm quy định về an toàn công-te-nơ;

- Sửa đổi, bổ sung những nội dung còn thiếu hoặc quy định chưa rõ ràng tại Nghị định 93/2013/NĐ-CP:

(1) Cách quy đổi đối với trường hợp tàu chở khách không ghi trọng tải;

(2) Hành vi không trang bị thiết bị chiếu sáng tại cầu cảng hoặc có trang bị nhưng thiết bị không hoạt động được hoặc hoạt động không đúng quy chuẩn kỹ thuật;

(3) Hành vi không thực tập kết nối thông tin an ninh hàng hải (trách nhiệm của chủ cảng);

(4) Hành vi bố trí cầu cảng, bến phao cho tàu thuyền vào, rời không bảo đảm thời gian theo kế hoạch điều động tàu thuyền của Cảng vụ hàng hải hoặc không bảo đảm các điều kiện cần thiết theo quy định;

(5) Hành vi không tuân thủ đúng quy định tại các quy trình, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan trong kiểm định chất lượng kết cấu hạ tầng cảng biển;

(6) Hành vi không ghi chép kết quả giám sát về quá trình thi công nạo vét và chuyển đổ bùn đất nạo vét hoặc không ghi nhật ký thi công theo quy định;

(7) Hành vi không lắp đặt hệ thống giám sát nạo vét trên phương tiện tham gia vận chuyển đổ bùn đất trong thi công nạo vét, duy tu luồng hàng hải; hệ thống giám sát nạo vét không đảm bảo thông số kỹ thuật tối thiểu hoặc không ở trạng thái sẵn sàng hoạt động, hoạt động không liên tục, ổn định theo quy định;

(8) Hành vi không bố trí tư vấn giám sát trên phương tiện tham gia vận chuyển bùn đất trong thi công nạo vét theo quy định;

(9) Hành vi không có hoặc không thực hiện đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hàng hải đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dẫn đến xảy ra tai nạn;

(10) Hành vi xả nước hoặc chất thải có lẫn hóa chất độc hại xuống cầu cảng hoặc vùng nước cảng biển;

(11) Các trang, thiết bị cứu hỏa không đúng quy định hoặc không ở trạng thái sẵn sàng hoạt động hoặc hết hạn sử dụng theo quy định;

(12) Hành vi vi phạm quy định về chở quá tải trọng của phương tiện trong vùng đất cảng;

(13) Hành vi không thu gom, xử lý chất thải theo quy định;

(14) Hành vi không thực hiện đầy đủ kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu được cấp có thẩm quyền phê duyệt (áp dụng đối với chủ cảng, chủ phương tiện);

(15) Hành vi không xây dựng phương án bảo vệ công trình hàng hải hoặc không tổ chức thực hiện phương án bảo vệ công trình đã được xây dựng;

(16) Hành vi xây dựng công trình làm giảm hoặc mất tác dụng của công trình hàng hải;

(17) Hành vi đánh bắt, nuôi trồng thủy hải sản trong luồng hàng hải và phạm vi bảo vệ công trình hàng hải;

(18) Hành vi lấn chiếm phạm vi bảo vệ công trình hàng hải;

(19) Hành vi gây cản trở việc khai thác, sử dụng, bảo vệ công trình hàng hải;

(20) Hành vi phá hủy, tháo gỡ, trộm cắp cấu kiện, phụ kiện và các thiết bị của công trình hàng hải mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

(21) Hành vi làm hư hỏng, tự ý di chuyển hoặc làm giảm hiệu lực của các thiết bị báo hiệu hàng hải;

(22) Hành vi nổ mìn và các vật liệu nổ khác trong phạm vi cảng biển, vùng nước cảng biển, luồng hàng hải khi chưa được sự cho phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

(23) Hành vi xếp, chứa các chất dễ cháy nổ, các chất nguy hại trái quy định có khả năng gây ăn mòn hoặc hư hỏng công trình hàng hải khi chưa được sự cho phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

(24) Hành vi khai thác khoáng sản, nạo vét trái phép trên luồng hàng hải, phạm vi bảo vệ luồng hàng hải, vùng nước cảng biển;

(25) Hành vi thải các chất thải làm hư hại, ảnh hưởng đến độ bền và tuổi thọ của công trình hàng hải;

(26) Hành vi không ghi hoặc không ghi đầy đủ, chính xác nội dung của nhật ký hàng hải, nhật ký máy hoặc các loại nhật ký khác theo quy định;

(27) Hành vi không thực tập kết nối thông tin an ninh hàng hải theo quy định (trách nhiệm của chủ tàu);

(28) Hành vi không duy trì hoạt động của thiết bị nhận dạng và truy theo tầm xa (LRIT) theo quy định;

(29) Hành vi thiếu hoặc không có trang thiết bị cứu sinh hoặc bố trí, lắp đặt trang thiết bị cứu sinh của tàu thuyền không đúng quy định;

(30) Hành vi không trang bị đầy đủ các trang thiết bị phòng, chống cháy nổ theo quy định hoặc trang thiết bị phòng, chống cháy, nổ không sử dụng được;

(31) Thuyền viên trong ca trực có nồng độ cồn trong máu hoặc hơi thở vượt quá 50 miligam/100 mililít máu hoặc vượt quá 0,25 miligam/1 lít khí thở hoặc có sử dụng các chất kích thích khác mà luật cấm sử dụng khi điều động tàu;

(32) Hành vi không ghi đầy đủ thông tin trong sổ thuyền viên theo quy định;

(33) Hành vi sử dụng chứng chỉ hành nghề, sổ thuyền viên giả mạo hoặc đã bị sửa chữa, tẩy xóa làm sai lệch nội dung;

(34) Hành vi không thông báo kịp thời cho cảng vụ hàng hải việc tàu thuyền chạy quá tốc độ cho phép, chạy ngược chiều hoặc tránh vượt nhau tại khu vực cấm tránh vượt;

(35) Hành vi tự ý dẫn tàu không đúng tuyến luồng hàng hải đã được công bố;

(36) Hoa tiêu có nồng độ cồn nồng độ cồn trong máu hoặc hơi thở vượt quá quá 50 miligam/100 mililít máu hoặc vượt quá 0,25 miligam/1 lít khí hoặc có sử dụng các chất kích thích khác mà luật cấm sử dụng khi dẫn tàu;

(37) Hành vi hoa tiêu chỉ dẫn cho thuyền trưởng điều động tàu thuyền được dẫn chạy quá tốc độ cho phép, chạy ngược chiều hoặc tránh vượt nhau tại khu vực cấm tránh vượt;

(38) Hành vi sử dụng một trong các giấy tờ bị tẩy xóa, sửa chữa hoặc giả mạo trong hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh vận tải biển hoặc giấy phép kinh doanh vận tải đa phương thức;

(39) Hành vi kinh doanh vận tải biển, kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển hoặc kinh doanh dịch vụ lai dắt tàu biển mà không đủ một trong các điều kiện kinh doanh theo quy định;

(40) Hành vi kinh doanh vận tải đa phương thức, dịch vụ vận tải biển không có hoặc không đúng giấy phép, giấy chứng nhận do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định;

(41) Hành vi vận chuyển hàng hóa không đúng giấy phép theo quy định;

(42) Hành vi không bố trí cho thuyền viên nghỉ đủ số ngày phép năm theo quy định;

(43) Hành vi không thực hiện khai báo, điều tra, thống kê, báo cáo tai nạn lao động hàng hải và bệnh nghề nghiệp theo quy định;

(44) Hành vi không thực hiện trách nhiệm của chủ tàu đối với thuyền viên bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo quy định;

(45) Hành vi trục vớt tài sản chìm đắm mà không thực hiện đầy đủ phương án thăm dò, trục vớt tài sản chìm đắm đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định;

(46) Hành vi không có hồ sơ thiết kế kỹ thuật của báo hiệu hàng hải tại đơn vị trực tiếp quản lý, vận hành báo hiệu hàng hải;

(47) Phân chia tàu thuyền có trọng tải dưới 500 GT ra làm 02 đối tượng: (1) Tàu thuyền có trọng tải dưới 200 GT; (2) Tàu thuyền có trọng tải từ 200 GT đến dưới 500 GT.

(48) Và các hành vi khác..

- Các điều, khoản được sắp xếp, bổ sung nhằm đảm bảo sự thống nhất về nội dung.

- Tách, chỉnh sửa, bổ sung quy định về mẫu biên bản, mẫu quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải tại Thông tư số 32/2013/TT-BGTVT ngày 15/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành mẫu biên bản, mẫu quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông hàng hải, đường thủy nội địa và đưa vào Phụ lục của Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải.

----------------------------